

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08/12/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Bửu Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên toà: Bà Phan Nguyễn Thùy Dung, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà:
Ông Trần Hữu Thọ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 412/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa các số: 37, 46, 54, 63, 79, 86, 95/2021/QĐST-HNGĐ các ngày 14/5/2021, 10/6/2021, 09/7/2021, 09/8/2021, 09/9/2021, 08/10/2021, 08/11/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Kim H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Ngọc L, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2021, nguyên đơn chị Huỳnh Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Kim H và anh Bùi Ngọc L thông qua mai mối rồi đi đến hôn nhân, không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn, anh chị được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2006.

Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2008 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do anh L là người không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo ăn chơi, không chăm sóc con, không cùng chị chia sẻ gánh nặng kinh tế để xây dựng gia đình, vợ chồng chung sống cũng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn xảy ra liên tục, không thể nào hàn gắn được nữa nên cả hai cũng đã ly thân từ thời điểm đó cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng đã lạnh nhạt, không thể nào hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu ly hôn anh Bùi Ngọc L.

- Về con chung: Có 01 con tên Bùi Thị Hồng Q, sinh ngày 16/01/2007. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Bùi Thị Hồng Q sau khi ly hôn (cháu Q đang sống chung với chị H), không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Huỳnh Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không đến tham dự phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Bùi Ngọc L để làm việc và hòa giải nhưng anh L đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay, anh L tiếp tục vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Tuy nhiên qua xác minh, cha ruột anh L là ông A cho biết anh L, chị H là con trai ruột và con dâu của ông, sau khi cưới anh chị sống chung nhà với vợ chồng ông được một thời gian thì lên Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc. Ông A không biết anh, chị mâu thuẫn từ khi nào, nguyên nhân do đâu, chỉ đến khi Tòa án đến nhà tổng đạt văn bản thì ông mới biết việc chị H yêu cầu ly hôn anh L. Hiện nay, anh L đang sống chung nhà với ông, đang làm thuê cho cửa hàng vật liệu xây dựng T (xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp). Đối với các văn bản Tòa án tổng đạt thì sau khi nhận, ông đều thông báo và giao lại cho anh L. Sau đó, anh L có nói lại với ông, lý do anh L không đến Tòa án làm việc là do anh L đồng ý ly hôn, không muốn hàn gắn với chị H và bận đi làm, anh cũng không có ý kiến gì khác; anh L đồng ý giao Bùi Thị Hồng Q cho chị H nuôi dưỡng do cháu đã sống ổn định với mẹ từ nhỏ; quá trình chung sống anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không nợ ai.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:*

Về tố tụng: Thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử. Việc chấp hành pháp luật của

người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử, nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập hợp lệ của Tòa án, vắng mặt trong phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, làm cho việc giải quyết vụ án chưa nhanh chóng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc xin ly hôn anh L. Về con: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc nuôi con chung, giao cháu Bùi Thị Hồng Q, sinh ngày 16/01/2007 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu Q đã sống ổn định với chị H, anh L không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Huỳnh Kim H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Bùi Ngọc L hiện cư trú tại ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Vì vậy, Tòa án huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp nơi bị đơn cư trú thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự trong vụ án: Tại phiên tòa, bị đơn anh Bùi Ngọc L tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời nguyên đơn chị Huỳnh Kim H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Xét yêu cầu của chị H về việc yêu cầu ly hôn anh L, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Huỳnh Kim H và anh Bùi Ngọc L chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2006 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, chị H cho rằng anh L là người không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo ăn chơi, không chăm sóc con, không cùng chị chia sẻ gánh nặng kinh tế gia đình; vợ chồng chung sống phải yêu

thương, chia sẻ, thông cảm với nhau nhưng anh L lại không làm được điều đó, cả hai cũng không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn xảy ra liên tục. Vì vậy, vợ chồng cũng đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh L cũng không có động thái muốn hàn gắn với chị. Hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể nào hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu ly hôn anh L là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Mặt khác, tại các lần Tòa án mời làm việc, hòa giải và xét xử anh L đều vắng mặt không lý do, cho thấy anh L hoàn toàn không có thiện chí hàn gắn tình cảm cùng với chị H.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và chứng cứ Tòa án thu thập được, Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi mâu thuẫn xảy ra, anh L và chị H ly thân, cháu Bùi Thị Hồng Q vẫn tiếp tục sống chung với chị H, cuộc sống đã ổn định, bản thân chị H cũng đủ điều kiện để nuôi con. Đồng thời, quá trình giải quyết cháu Q cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ khi chị H và anh L ly hôn. Do đó, nhằm tránh làm thay đổi môi trường sống của cháu Q nên giao cháu Bùi Thị Hồng Q, sinh ngày 16/01/2007 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; anh L không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị H xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án: Xét thấy, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp quy định pháp luật, phù hợp các tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Kim H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Kim H. Chị Huỳnh Kim H được ly hôn với anh Bùi Ngọc L.

2. *Về con chung:* Giao Bùi Thị Hồng Q, sinh ngày 16/01/2007 cho chị Huỳnh Kim H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Anh Bùi Ngọc L có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Anh Bùi Ngọc L không cấp dưỡng nuôi con do chị Huỳnh Kim H không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

4. *Về án phí:* Chị Huỳnh Kim H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008184 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Huỳnh Kim H đã nộp xong.

5. *Về quyền kháng cáo:*

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tỉnh (1);
- VKSND Huyện (1);
- THADS Huyện (1);
- Lưu: VT, HSVA (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Bửu Linh

